

Số: 112 /QĐ-ĐHDK

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 29 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng Kỹ sư cho sinh viên khóa 5, khóa 6, khóa 7, khóa 9 Trình độ đại học hệ chính quy năm 2024

**HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Căn cứ Quyết định số 2157/QĐ-TTg ngày 25/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 5690/QĐ-DKVN ngày 05/10/2022 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 298/QĐ-ĐHDK ngày 03 tháng 5 năm 2013 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Dầu khí Việt Nam về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 924/QĐ-ĐHDK ngày 24/7/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dầu khí Việt Nam về việc thành lập Hội đồng xét Tốt nghiệp năm 2024;

Căn cứ Biên bản họp xét tốt nghiệp ngày tháng 8 năm 2024 của Hội đồng xét tốt nghiệp năm 2024;

Căn cứ Tờ trình số 231 /TTr-ĐT ngày 29/08/2024 của Trưởng Phòng Đào tạo về việc công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng Kỹ sư sinh viên đại học hệ chính quy khóa 5, khóa 6, khóa 7 và khóa 9, năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

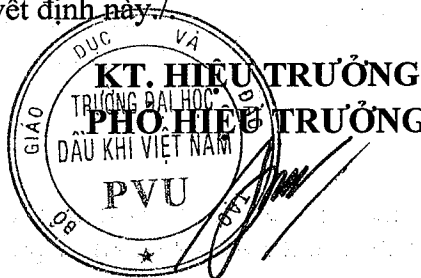
Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng Kỹ sư trình độ đại học hệ chính quy, năm 2024 cho 01 sinh viên khóa 5, 01 sinh viên khóa 6, 04 sinh viên khóa 7 và 20 sinh viên khóa 9 (*Danh sách đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng Phòng Kế hoạch-Tài chính, Trưởng khoa Dầu khí, Trưởng Khoa khoa học Cơ bản, GVCN các Lớp và các sinh viên có tên trong danh sách đính kèm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CTHĐT (để b/c);
- BGH (e-copy);
- TTTTTV (e-copy);
- Lưu: VT, ĐT.



Lê Quốc Phong

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 5 TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2024

(Đính kèm Quyết định số 1112/QĐ-ĐHDK ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dầu khí Việt Nam)

Stt	Mã SV	Họ và Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Xếp loại TN	Ghi chú
01	05GEO110002	Đỗ Văn Dũng	Nam	28/05/1997	Thanh Hóa	K5 ĐC-ĐVD	6.70	Trung bình khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 6 TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2024

(Đính kèm Quyết định số 1112/QĐ-ĐHDK ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dầu khí Việt Nam)

Stt	Mã SV	Họ và Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Xếp loại TN	Ghi chú
01	06PET110065	Trần Cao Cường	Nam	17/06/1999	Quảng Nam	K6KKT	7.48	Khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 7 TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2024

(Đính kèm Quyết định số 112/QĐ-ĐHDK ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dầu khí Việt Nam)

Stt	Mã SV	Họ và Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Xếp loại TN	Ghi chú
01	06PET110077	Lê Bảo Quý	Nam	02/04/1999	An Giang	K7KKT	8,04	Giỏi	
02	07PPR110039	Phan Minh Tuấn	Nam	29/10/2000	Long An	K7LHD	7,78	Khá	
03	07PET110074	Trần Ngọc Trọng	Nam	01/08/1997	Quảng Nam	K7KKT	7,06	Khá	
04	07PPR110023	Hoàng Thị Phương	Nữ	15/06/2000	Ninh Bình	K7LHD	6,87	Trung bình khá	

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 9 TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2024

(Đính kèm Quyết định số 1112/QĐ-ĐHDK ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dầu khí Việt Nam)

Stt	Mã SV	Họ và Tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi sinh	Lớp	Điểm TBCHT	Xếp loại TN	Ghi chú
01	09PET110062	Nguyễn Hữu Lộc	Nam	12/05/2002	Phú Yên	K9PE	8.38	Giỏi	
02	09GEO110004	Lê Hoàng Nam	Nam	28/12/2002	Tiền Giang	K9GE	8.38	Giỏi	
03	09PPR110001	Trần Tuấn Anh	Nam	09/10/2002	Quảng Bình	K9CE	8.27	Giỏi	
04	09PPR110004	Phạm Đình Hải	Nam	04/03/2002	Đắk Lắk	K9CE	8.13	Giỏi	
05	09PET110063	Dương Thị Quỳnh Mai	Nữ	09/09/2002	Thanh Hóa	K9PE	7.88	Khá	
06	09PPR110018	Lê Thị Bích Thao	Nữ	14/09/2002	Phú Yên	K9CE	7.66	Khá	
07	09PET110070	Hồ Phước Thịnh	Nam	23/08/2002	Bến Tre	K9PE	7.64	Khá	
08	09PET110056	Trương Ngọc Anh	Nữ	02/09/2002	Vĩnh Long	K9PE	7.63	Khá	
09	09PPR110016	Nguyễn Tuấn Tài	Nam	02/04/2002	Tiền Giang	K9CE	7.60	Khá	
10	09GEO110001	Nguyễn Việt Hậu	Nam	29/07/2002	Đắk Lắk	K9GE	7.51	Khá	
11	09PPR110015	Nguyễn Thị Phương	Nữ	03/02/2002	Thanh Hóa	K9CE	7.49	Khá	
12	09PET110071	Huỳnh Thanh Thuận	Nam	24/08/2002	Đồng Tháp	K9PE	7.49	Khá	
13	09PPR110009	Ngô Văn Mẫn	Nam	21/07/2002	Quảng Bình	K9CE	7.43	Khá	
14	09PET110076	Võ Thanh Tú	Nam	13/06/2002	Nghệ An	K9PE	7.42	Khá	
15	09PPR110003	Ngô Ngọc Mỹ Duyên	Nữ	30/03/2002	Đồng Tháp	K9CE	7.41	Khá	
16	09PPR110010	Lê Phúc Bảo Nguyên	Nam	30/08/2002	Quảng Trị	K9CE	7.35	Khá	
17	09PET110074	Nguyễn Vĩnh Tiến	Nam	29/10/2002	Cà Mau	K9PE	7.35	Khá	
18	09GEO110006	Trương Nguyễn Anh Tiến	Nam	29/11/2002	Cần Thơ	K9GE	7.35	Khá	
19	09PET110066	Nguyễn Hoàng Nhâm	Nam	17/08/2002	Bình Phước	K9PE	7.34	Khá	
20	09PPR110020	Trương Huỳnh Thư	Nữ	10/01/2002	Cà Mau	K9CE	7.21	Khá	

